

## BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ NỘI VỤ -  
BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/2005/TTLT-BNV-BTC

*Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2005*

### THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng**

Căn cứ Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 119/2005/NĐ-CP), Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

#### I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng Thông tư này là cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10

năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (sau đây gọi là cán bộ xã già yếu nghỉ việc).

#### II. ĐIỀU CHỈNH MỨC TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

1. Điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP.

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005, tăng thêm 10% trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 9 năm 2004:

a) Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 9 năm 2004 là mức trợ cấp quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-

03/83/12

BTC ngày 17 tháng 02 năm 2003 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện điều chỉnh tiền lương, trợ cấp và sinh hoạt phí đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí thuộc ngân sách nhà nước.

b) Mức trợ cấp được điều chỉnh (đã làm tròn số) từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 như sau:

Đối với cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã từ 272.000 đồng lên 299.200 đồng/tháng (tăng thêm 27.200 đồng/tháng).

Đối với cán bộ nguyên là Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã từ 261.800 đồng lên 288.000 đồng/tháng (tăng thêm 26.200 đồng/tháng).

Đối với các chức danh còn lại từ 241.700 đồng lên 265.900 đồng/tháng (tăng thêm 24.200 đồng/tháng).

c) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005, cán bộ xã già yếu nghỉ việc được truy lĩnh phần tăng thêm nêu tại điểm b khoản 1 mục II của Thông tư này đối với số tháng đã hưởng trợ cấp theo mức quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-BTC.

2. Điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP.

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 tăng thêm 10% trên mức trợ cấp hàng tháng đã được điều chỉnh nêu tại điểm b khoản 1 mục II của Thông tư này. Sau khi đã điều chỉnh mức trợ cấp tăng thêm 10% theo quy định này, được điều chỉnh tăng thêm 20,7% mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2005. Cụ thể mức trợ cấp hàng tháng được hưởng của cán bộ xã già yếu nghỉ việc (đã làm tròn số) từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 như sau:

Đối với cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã từ 299.200 đồng lên 397.300 đồng/tháng.

Đối với cán bộ nguyên là Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã từ 288.000 đồng lên 382.400 đồng/tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng đối với các chức danh còn lại từ 265.900 đồng lên 353.100 đồng/tháng.

### III. NHU CẦU VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Số lượng cán bộ xã già yếu nghỉ việc làm căn cứ để xác định nhu cầu kinh phí tăng thêm do thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp:

Năm 2005: Số có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2004 (đối với nhu

cầu tăng thêm do điều chỉnh mức trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP); số có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2005 (đối với nhu cầu tăng thêm do điều chỉnh mức trợ cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP).

Năm 2006: Số có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Việc tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2005/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu chung đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc năm 2005, năm 2006.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư này Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) hướng dẫn thực hiện việc truy lĩnh phần tăng thêm của mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 quy định tại khoản 1 mục II của Thông tư này và chi trả trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 theo quy

định tại khoản 2 mục II của Thông tư này đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo tổng hợp danh sách cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, quyết định truy lĩnh và chi trả trợ cấp; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả theo mẫu số 2, mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kết quả theo mẫu số 2 và mẫu số 3; đồng thời gửi kèm báo cáo tổng hợp cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo mẫu số 1 của các xã, phường, thị trấn thuộc địa phương về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

5. Cán bộ xã già yếu nghỉ việc khi chuyển đến nơi ở mới hợp pháp trong cùng huyện có giấy chuyển trợ cấp của cấp xã; trong cùng tỉnh có giấy chuyển trợ cấp của cấp huyện; ra ngoài tỉnh có giấy chuyển trợ cấp của Sở Nội vụ; giấy chuyển trợ cấp phải kèm theo hồ sơ, quyết định khi nghỉ việc (trường hợp thất lạc phải có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cùng cấp) thì cấp sở tại tiếp tục chi trả cho cán bộ chuyển đến. Cán bộ xã già yếu nghỉ việc chuyển đến nơi ở mới hợp pháp trước ngày Nghị định số

119/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì các cấp đang chi trả tiếp tục chi trả cho đối tượng.

## V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương

phản ánh về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

**Đỗ Quang Trung**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

**Nguyễn Sinh Hùng**

09685612

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.....

Mẫu số 1

UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.....

UBND xã, phường, thị trấn.....

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ XÃ GIÀ YẾU NGHỈ VIỆC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 130-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 111-HĐBT VÀ MỨC TRỢ CẤP ĐIỀU CHỈNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/2005/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 2005 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 115/TTLT-BNV-BTC ngày 02/11/2005)

Số 13 - 12 - 11 - 2005  
Số 14 - 12 - 11 - 2005

CÔNG BẢO

www.LawSawT.com \* 4899 5484-8-48+ : Tel : \* 199589960

Số thứ tự	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ trước khi nghỉ	Từ 01/10/2004 đến 31/12/2005			Từ 01/10/2005 đến 31/12/2005			Tổng số chênh lệch từ 01/10/2004 đến 31/12/2005	
				Mức trợ cấp được hưởng tháng 9 năm 2004	Mức trợ cấp được hưởng tháng 10 năm 2004 theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP	Chênh lệch trợ cấp 01 tháng	Chênh lệch từ 01/10/2004 đến 31/12/2005	Mức trợ cấp được hưởng tháng 10 năm 2005 theo khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP	Chênh lệch trợ cấp 01 tháng		Chênh lệch từ 01/10/2005 đến 31/12/2005
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)	(4)	(5)	(6) = (5) - (2)	(7)	(8)
	<b>Tổng số</b>										
1	Nguyễn Văn A	...		272.000	299.200			397.300			
2	Nguyễn Văn B	...									
...	...	...									

....., ngày..... tháng..... năm.....  
UBND xã, phường, thị trấn...

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2005 CỦA CÁN BỘ XÃ GIÀ YẾU NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/2005/NĐ-CP**  
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 115/TTLT-BNV-BTC ngày 02/11/2005)

**I. Tổng hợp quỹ trợ cấp tăng thêm theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Tổng số cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng đến ngày 01/10/2004	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-BTC (đồng)	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP (đồng)	Quỹ trợ cấp tăng thêm 01 tháng	Tổng quỹ trợ cấp tăng thêm 15 tháng (từ 01/10/2004 đến 31/12/2005)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4) = cột (3 - 2) x cột (1)	(6) = (4) x 15 tháng
Tổng số						
1	Nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã		272.000	299.200		
2	Nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã		261.800	288.000		
3	Các chức danh còn lại		241.700	265.900		

II. Tổng hợp quỹ trợ cấp tăng thêm theo khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP

Số thứ tự	Nội dung	Tổng số cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng đến 01/10/2005	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP	Quỹ trợ cấp tăng thêm 01 tháng	Trích BHYT tăng thêm 01 tháng theo chế độ quy định (nếu có)	Tổng quỹ trợ cấp trích nộp BHYT tăng thêm quý IV/2005
A	B	(1)	(2)	(3)	(4) = cột (3 - 2) x cột (1)	5	(6) = cột (4 + 5) x 3 tháng
Tổng số							
1	Nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã		299.200	397.300			
2	Nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã		288.000	382.400			
3	Các chức danh còn lại		265.900	353.100			

Tổng quỹ trợ cấp tăng thêm trong năm 2005 theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 119/2005/NĐ-CP là..... triệu đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN....  
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2006 CỦA CÁN BỘ XÃ GIÀ YẾU NGHỈ VIỆC HUỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/2005/NĐ-CP**  
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 115/TTLT-BNV-BTC ngày 02/11/2005)

Số thứ tự	Nội dung	Tổng số cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng đến ngày 01/01/2006	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-BTC (đồng)	Mức trợ cấp 01 tháng theo quy định tại Nghị định số 119/2005/NĐ-CP (đồng)	Quỹ trợ cấp tăng thêm 01 tháng	Trích BHYT tăng thêm 01 tháng theo chế độ quy định (nếu có)	Tổng quỹ trợ cấp, trích nộp BHYT tăng thêm 12 tháng năm 2006
A	B	(1)	(2)	(3)	(4) = cột (3 - 2) x cột (1)	(5)	(6) = cột (4 + 5) x 12 tháng
Tổng số							
1	Nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã		272.000	397.300			
2	Nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã		261.800	382.400			
3	Các chức danh còn lại		241.700	353.100			

.... ngày.... tháng.... năm....

ỦY BAN NHÂN DÂN....

(Ký tên, đóng dấu)